SỞ Y TẾ SƠN LA **BVĐK HUYỆN MƯỜNG LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 43/TB-BVĐK	*Mường La, ngày 09 tháng 08 năm 2024*

THÔNG BÁO
YÊU CẦU BÁO GIÁ VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá kèm thông số kỹ thuật hàng hóa để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: "Mua sắm Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán Invitro, dụng cụ y tế năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Mường La" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá, thông số kỹ thuật.

1. Đơn vị yêu cầu: **Bệnh viện đa khoa huyện Mường La**

Địa chỉ: Tiểu khu IV, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà: Lò Huyền Linh Chức vụ: Phó trưởng khoa Dược

SĐT: 0388.466.756 Email: Lohuyenlinh3394@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá, thông số kỹ thuật:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – VTTBYT, Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tiểu khu IV, thị trấn Ít Ong huyện Mường La, tỉnh Sơn La

- Nhận qua email: bvdkml@gmail.com

- Nhận qua Fax: 02123830280

4. Thời gian tiếp nhận báo giá, thông số kỹ thuật: Từ 08h ngày 12/08/2024 đến trước 11h30 ngày 22/08/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22/08/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá, thông số kỹ thuật:

1. Danh mục Hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán Invitro, dụng cụ y tế: (Có danh mục chi tiết đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, vận chuyển, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện đa khoa huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi hợp đồng ký kết hai bên có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh toán hợp đồng: 90 ngày tính từ ngày Bên mua nhận được đầy đủ hàng hóa, hồ sơ và chứng từ phục vụ thanh toán.

5. Các thông tin khác

Nhà cung cấp báo giá theo mẫu: Báo giá áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện; vật tư y tế thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (Quy định tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập).

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT; KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MƯỜNG LA

Đèo Thị Nhung

DANH MỤC

HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO, DỤNG CỤ Y TẾ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo thông báo số: 43/TB-BVĐK ngày 09 tháng 08 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Mường La)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	I. Hóa chất dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa			
	1. Hóa chất dùng cho máy sinh hóa			
1	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Lít	70	
2	Dung dịch định lượng Albumin	Hộp	7	
3	Dung dịch đo hoạt độ ALT (GPT)	Hộp	37	
4	Dung dịch đo hoạt độ AST (GOT)	Hộp	35	
5	Dung dịch định lượng Cholesterol toàn phần	Hộp	9	
6	Dung dịch định lượng Creatinin	Hộp	18	
7	Dung dịch định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	19	
8	Dung dịch định lượng Glucose	Hộp	16	
9	Dung dịch định lượng HDL-CHOLESTEROL	Hộp	3	
10	Dung dịch định lượng LDL-CHOLESTEROL	Hộp	2	
11	Dung dịch định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	15	
12	Dung dịch định lượng Protein toàn phần	Hộp	6	
13	Dung dịch định lượng Triglycerid	Hộp	10	
14	Dung dịch định lượng Ure	Hộp	21	
15	Dung dịch định lượng Acid Uric	Hộp	9	
16	Dung dịch định lượng Amylase	Hộp	14	
17	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Lọ	30	
18	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Lọ	30	
19	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Lọ	3	
20	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hộp	2	
21	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Hộp	2	
22	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Lọ	25	
23	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	5	
24	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	4	
25	Hóa chất kiểm chức mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	5	
26	Hóa chất kiểm chức mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	5	
27	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	6	
28	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hộp	8	
29	Dung dịch định lượng HbA1c	Hộp	5	
30	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hộp	2	
31	Dây bơm nhu động	Cái	6	
32	Bóng đèn	Cái	7	
33	Dung dịch rửa	Ml	2.250	
34	Ống lấy mẫu 2.5 mL	Cái	2.500	
	2. Hóa chất dùng cho máy sinh hóa			
35	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Hộp	4	
36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Hộp	5	
37	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Hộp	3	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
38	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol	Hộp	3	
39	Thuốc thử xét nghiệm α-Amylase	Hộp	4	
40	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	Hộp	5	
41	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	Hộp	4	
42	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Lọ	10	
43	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Hộp	4	
44	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Hộp	7	
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	7	
46	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	Hộp	8	
47	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	Hộp	8	
48	Bóng đèn Halogen dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Chiếc	6	
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Hộp	2	
50	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	Hộp	2	
51	Chất hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c	Hộp	2	
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hộp	1	
53	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 1	Lọ	20	
54	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2	Lọ	20	
55	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol	Hộp	1	
56	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	Hộp	3	
57	Cuvette (dùng cho buồng rửa máy sinh hoá)	Bộ	1	
58	Cóng đựng mẫu bệnh phẩm	Cái	2.000	
59	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Hộp	3	
60	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Hộp	7	
61	Thuốc thử chẩn lượng Uric acid	Hộp	3	
62	Hoá chất rửa máy sinh hoá có tính kiềm	Can	15	
63	Hoá chất khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy sinh hoá	Chai	7	
64	Hoá chất rửa máy sinh hoá có tính Axit	Can	5	
65	Thuốc thử xét nghiệm Gamma-GT	Hộp	2	
	II. Hóa chất dùng cho các loại máy xét nghiệm huyết học			
	1. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học			
66	Dung dịch pha loãng	Lít	1.200	
67	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	Lít	300	
68	Chất rửa dùng cho máy huyết học	Lọ	6	
69	Máu chuẩn	Bộ	17	
	2. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học			
70	Hoá chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Lít	180	
71	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	Lít	9	
72	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Lít	3	
73	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong	Lít	5	
74	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học 5 thành phần	Lọ	4	
75	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	Lọ	4	
76	Ống nghiệm lấy máu nắp cao su chứa chất chống đông	Ống	7.200	
3. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học				
77	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Lít	100	
78	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	ML	8.000	
79	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Lít	15	
80	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Ml	3.000	
81	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Ml	750	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
82	Máu chuẩn	Bộ	2	
	III. Hoá chất cho Máy phân tích nước tiểu			
83	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Test	25.000	
84	Que thử nước tiểu 11G	Test	45.000	
85	Giấy in nhiệt	Cuộn	600	
	IV. Hoá chất cho Máy phân tích đông máu tự động			
86	Thuốc thử xét nghiệm định lượng APTT	Hộp	14	
87	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PT	Hộp	7	
88	Thuốc thử xét nghiệm định lượng fibrinogen	Hộp	5	
89	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TT	Hộp	5	
90	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB	Hộp	6	
91	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB mức cao	Hộp	6	
92	Hoá chất rửa kim dùng cho máy xét nghiệm	Lọ	6	
93	Hoá chất dùng cho máy phân tích đông máu	Chai	4	
94	Testing cuvette	Chiếc	12.000	
	V. Hoá chất cho Máy phân tích điện giải			
	1. Hoá chất cho Máy phân tích điện giải tự động			
95	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	Hộp	26	
96	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	Hộp	6	
97	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	Hộp	5	
98	Dung dịch rửa protein dùng cho máy phân tích điện giải	Hộp	7	
99	Điện cực xét nghiệm định lượng K+	Chiếc	7	
100	Điện cực xét nghiệm định lượng Na+	Chiếc	7	
101	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl-	Chiếc	7	
102	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca+	Chiếc	7	
103	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Chiếc	7	
104	Điện cực xét nghiệm định lượng quy chiếu	Chiếc	7	
105	Dây bơm cho máy điện giải	Chiếc	4	
106	Dung dịch nạp điện cực Na/K/Cl/Ca/pH	Hộp	5	
107	Dung dịch nạp điện cực quy chiếu	Lọ	5	
	2. Hóa chất dùng cho máy điện giải tự động			
108	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/Ph	Hộp	5	
109	Dung dịch rửa	Hộp	3	
110	Chất kiểm soát dùng cho máy phân tích điện giải	Hộp	3	
111	Chất hiệu chuẩn dùng cho máy phân tích điện giải	Hộp	3	
112	Dây bơm	Cái	3	
113	**VI. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Miễn dịch**			
114	HCG/β- HCG	Test	300	
115	TSH	Test	400	
116	T4	Test	400	
117	T3	Test	400	
118	AFP	Test	300	
119	CEA	Test	400	
120	Total PSA	Test	200	
121	CA 125	Test	300	
122	CA 15-3	Test	300	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
123	CA 19-9	Test	300	
124	Bộ hóa chất để chạy thử máy	Hộp	16	
125	Dung dịch rửa hệ thống	Hộp	30	
126	Cuvet cảm ứng	Hộp	6	
127	Dung dịch kiểm tra chất lượng máy	Hộp	8	
128	Dung dịch bảo dưỡng định kỳ	Hộp	2	
129	CYFRA 21-1	Test	300	
130	CA 72-4	Test	200	
131	NSE	Test	200	
132	SCCA (total)	Test	200	
	VII. Sinh phẩm chẩn đoán invitro			
133	Test nhanh chẩn đoán HIV	Test	4.000	
134	Test nhanh chẩn đoán viên gan B	Test	3.050	
135	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	300	
136	Test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày	Test	400	
137	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Test	510	
138	Que thử ma túy 4 chân	Test	2.000	
139	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của vi rút	Test	200	
	VIII. Hóa chất, dụng cụ y tế khác			
140	Ziehl Neelsen	Bộ	4	
141	Lam kính	Cái	7.200	
142	Cốc đựng đờm	Cái	3.000	
143	Dung dịch KOH 10%	Chai	1	
144	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ	4	
145	Axit Acetic 3%	Chai	7	
146	Dung dịch Lugol 3%	Chai	10	
147	Huyết thanh mẫu định nhóm máu Rh	Lọ	30	
148	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A	Lọ	30	
149	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B	Lọ	30	
150	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB	Lọ	30	
151	Dầu soi kính hiển vi	Chai	1	
152	Hoá chất nhuộm Giemsa	Chai	2	
153	Bóng đèn nội khí quản	Cái	22	
154	Máy đo huyết áp cơ + ống nghe	Bộ	25	
155	Catheter Tĩnh mạch trung tâm loại 3 nòng	Cái	20	
156	Túi trữ Oxy	Cái	10	
Tổng số: 156 mặt hàng				